

**BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TMT22B2
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023**

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Tiếng anh(4)	Tin học(2)	Tin học văn phòng(3)	Kỹ năng mềm(2)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	An toàn vệ sinh công nghiệp(2)	Kỹ thuật đo lường(2)	Kiến trúc máy tính(2)	Điểm TB	Xếp loại
1	2254801022263	Lê Minh An	27/11/2007	3.9	5.1	4.6	5.5	5.4	5.5	0.0	5.7	4.4	Yếu
2	2254801022264	Nguyễn Tuấn Đạt	13/09/2007	2.1	2.1	0.0	0.0	0.0	3.3	0.0	0.0	1.0	Yếu
3	2254801022265	Nguyễn Ngọc Giàu	22/10/2007	5.1	7.1	7.0	7.0	6.8	6.9	6.8	5.7	6.4	Trung bình
4	2254801022267	Nguyễn Lý Anh Hào	15/11/2007	5.5	7.8	6.9	6.8	8.0	7.2	6.1	6.0	6.7	Trung bình
5	2254801022268	Dương Gia Hiếu	22/10/2007	5.9	5.9	6.1	6.0	7.0	6.0	7.5	6.3	6.3	Trung bình
6	2254801022270	Nguyễn Thanh Hoàng	24/09/2006	6.5	8.2	8.5	7.9	6.4	6.5	6.6	6.7	7.2	Khá
7	2254801022277	Đỗ Văn Nam	08/09/2007	5.1	7.0	7.3	6.1	7.0	8.4	7.5	5.9	6.6	Trung bình
8	2254801022279	Đào Duy Phát	24/08/2007	5.2	5.9	7.3	6.2	7.1	5.7	0.0	5.7	5.5	Trung bình
9	2254801022280	Vũ Minh Phát	15/11/2007	8.3	8.1	7.9	7.5	9.2	5.9	7.8	5.7	7.6	Khá
10	2254801022281	Lê Thanh Phúc	10/07/2007	7.1	7.9	9.4	6.2	8.3	7.7	7.5	5.7	7.5	Khá
11	2254801022282	Mohamad Fa Shol	22/08/2005	6.0	8.8	9.8	6.7	8.5	8.7	8.3	6.2	7.8	Khá
12	2254801022284	Nguyễn Hữu Tín	22/02/2007	5.3	8.8	7.9	7.3	8.0	5.7	5.6	5.7	6.7	Trung bình
13	2254801022285	Nguyễn Nhựt Trường	02/10/2007	5.1	6.9	2.4	0.0	6.2	5.2	0.0	6.5	4.1	Yếu
14	2254801022286	Nguyễn Công Tuấn Tú	02/05/2007	6.1	7.1	7.3	6.5	7.2	6.8	7.2	5.9	6.7	Trung bình
15	2254801022287	Trần Đức Thiên Tường	01/01/2007	5.1	6.1	0.0	6.9	2.5	6.3	5.2	6.3	4.6	Yếu
16	2254801022288	Trịnh Quang Vinh	22/03/2005	6.1	8.8	9.7	7.9	8.3	7.0	6.8	7.2	7.7	Khá
17	2254801022289	Trần Tuấn Vỹ	09/11/2007	5.1	7.9	6.0	6.1	6.1	5.3	6.7	5.4	6.0	Trung bình
18	2254801022291	Trần Hoàng Tín	29/09/2003	6.1	9.3	0.0	7.9	3.2	9.4	7.9	6.2	5.9	Trung bình

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 17 tháng 08 năm 2023
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái